

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẤP VÒ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/DS-ST

Ngày: 30-8-2022

“V/v tranh chấp về hợp đồng hui và  
hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Thành Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thế.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Kương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 569/2020/TLST-DS ngày 30/10/2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng hui và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2022/QĐXXST-DS ngày 14/7/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số , ấp BT, xã BTT, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Thu H (Võ Thị Hồng T), sinh năm 1978; Địa chỉ: Số ấp BH A, xã BTT, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Vào ngày 01/8/2017 (âm lịch), bà Nguyễn Thị Lệ T có tham gia dây hui

5.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, gồm 24 hội viên, bà T tham gia 01 phần, trong danh sách hội tên Dì T, hội có huê hồng 1.500.000 đồng, do bà Võ Thị Thu H làm chủ hội. Bà T đã đóng được 18 lần với tổng số tiền là 75.450.000 đồng. Đến ngày 01/02/2019 (âm lịch), bà H1 ngưng khui hội, không tuyên bố bề hội mà chỉ ngưng khui hội và lẩn tránh các hội viên. Ngoài ra, vào ngày 01/01/2019 (âm lịch) nhằm ngày 05/02/2019 (dương lịch), bà T có cho bà H1 vay số tiền 17.000.000 đồng, không có lãi suất (tức cho mượn), nhưng không có làm biên nhận và khi bà T giao tiền cho bà H1 tại nhà bà H1 thì cũng không có ai chứng kiến. Bà T đã nhiều lần đến nhà tìm bà H1 để yêu cầu bà H1 trả số tiền nợ hội và nợ vay nhưng bà H1 tránh mặt nên bà T không gặp được.

Nay bà Nguyễn Thị Lê T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Thu H (Võ Thị Hồng T) có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền còn nợ hội là 75.450.000 đồng, lãi suất chậm trả đối với số tiền nợ hội tính từ ngày khởi kiện là ngày 25/8/2020 (dương lịch) đến ngày 30/8/2022 (dương lịch) tính tròn 23 tháng, với mức lãi suất 0,83%/tháng là 14.403.400 đồng (tính tròn) và số tiền nợ vay 17.000.000 đồng, lãi suất chậm trả đối với số tiền nợ vay tính từ ngày 05/02/2019 (dương lịch) đến ngày 30/8/2022 (dương lịch) là 43,37 tháng, với mức lãi suất 0,83%/tháng là 6.119.500 đồng (tính tròn). Tổng cộng nợ hội và nợ vay là 112.972.900 đồng.

- *Đối với bị đơn Võ Thị Thu H (Võ Thị Hồng T):* Bà H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên họp, phiên tòa; đồng thời, bà H1 cũng không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã không chấp hành sự triệu tập của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T. Buộc bà Võ Thị Thu H (Võ Thị Hồng T) trả cho bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền nợ hui là 75.450.000 đồng và lãi suất chậm trả tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu bà Võ Thị Thu H (Võ Thị Hồng T) trả số tiền nợ vay và nợ lãi tổng cộng là 23.119.500 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy, bị đơn Võ Thị Thu H (Võ Thị Hồng T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tiến hành xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hui:

[2.1] Xét thấy, theo lời khai của những người làm chứng bà Đặng Thị Kim Liên, bà Nguyễn Thị Hiền, bà Lê Thị Cẩm Thúy và bà Nguyễn Thị Hương đều là những hui viên trong dây hui 5.000.000 đồng, khai ngày 01/8/2017 (âm lịch), gồm 24 hui viên, hui có huê hồng 1.500.000 đồng, do bà Võ Thị Thu H (Võ Thị Hồng T) làm chủ hui. Theo đó, bà Liên, bà Hiền, bà Thúy và bà Hương đều trình bày bà Nguyễn Thị Lệ T có tham gia 01 phần hui trong dây hui này và bà T đã đóng được 18 lần với tổng số tiền là 75.450.000 đồng. Do đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu bà H1 trả số tiền nợ hui là 75.450.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu của bà T về lãi suất chậm trả đối với số tiền nợ hui tính từ ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 25/8/2020 (dương lịch) đến ngày 30/8/2022 (dương lịch) tính tròn 23 tháng, với mức lãi suất 0,83%/tháng là 14.403.400 đồng (tính tròn) là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Và khoản 4 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Theo đó, bị đơn Võ Thị Thu

H (Võ Thị Hồng T) đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng từ Thông báo về việc thụ lý vụ án, đến Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Hơn nữa, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Thế nhưng, bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 5 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Điều này cho thấy, bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình và không phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh thì phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự được quy định tại khoản 25 Điều 70 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ vay:

[3.1] Xét thấy, bà Nguyễn Thị Lệ T cho rằng có cho bà Võ Thị Thu H (Võ Thị Hồng T) vay số tiền 17.000.000 đồng vào ngày 01/01/2019 (âm lịch) nhằm ngày 05/02/2019 dương lịch, không có lãi suất (tức cho mượn), nhưng không có làm biên nhận và khi bà T giao tiền cho bà H1 tại nhà của bà H1 thì cũng không có ai chứng kiến. Do bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ (biên nhận tiền hoặc người chứng kiến việc vay tiền, giao nhận tiền giữa bà T với bà H1) để Hội đồng xét xử xem xét, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[4] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T là có căn cứ một phần để chấp và phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ T được chấp nhận một phần và bà T với bị đơn Võ Thị Thu H (Võ Thị Hồng T) không thuộc trường hợp không phải chịu hoặc miễn, giảm án phí theo quy định tại các điều 11, 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận và bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà T được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ T có mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn Võ Thị Thu H (Võ Thị Hồng T) vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 và khoản 25 Điều 70, khoản 1 và khoản 4 Điều 91 khoản 4 Điều 94, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 351, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về ho, hui, biêu, phường;

Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T.
2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T yêu cầu bà Võ Thị Thu H (Võ Thị Hồng T) trả số tiền nợ vay và nợ lãi tổng cộng là 23.119.500 đồng (Hai mươi ba triệu, một trăm mười chín nghìn, năm trăm đồng).
3. Buộc bà Võ Thị Thu H (Võ Thị Hồng T) trả cho bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền nợ hui tổng cộng là 89.853.400 đồng (Tám mươi chín triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí và tạm ứng án phí:

- Bà Võ Thị Thu H (Võ Thị Hồng T) phải chịu 4.492.600 đồng (Bốn triệu, bốn trăm chín mươi hai, sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 1.155.900 đồng (Một triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền 2.311.000 đồng (Hai triệu, ba trăm mười một nghìn đồng) và số tiền 556.000 đồng (Năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng) mà bà T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0009606, quyển số 0193, ngày 06/10/2020 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0014261, quyển số 0286, ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Bà T được nhận lại số tiền 1.711.100 đồng (Một triệu, bảy trăm mười một nghìn, một trăm đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Lệ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bà Võ Thị Thu H (Võ Thị Hồng T) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Phan Thành Nhân**